



## CHƯƠNG TRÌNH

# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

**Thời gian:** 07h30' ngày 19 tháng 04 năm 2016

**Địa điểm:** Khách sạn Hải Âu- Ngõ 756 D. Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 12, P. Gia Sàng, TP Thái Nguyên, T. Thái Nguyên.

Thời gian	Nội dung chi tiết	Chủ trì
7:30-8:00	Dăng ký Đại biểu tham dự cuộc họp ĐHDCĐ, phát tài liệu phiếu biểu quyết	Ban Tổ chức
8:00-8:10	Đọc lời khai mạc đại hội và giới thiệu Đại biểu, giới thiệu Đoàn chủ tịch, chủ tọa	
8:10-8:15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8:15-8:30	Chỉ định Ban thư ký và đề xuất Ban kiểm phiếu, thông qua chương trình đại hội, Thông qua Quy chế biểu quyết	Chủ tọa
8:30-8:55	Báo cáo của HĐQT, Ban Điều hành về Kết quả KD năm 2015 và kế hoạch năm 2016;	CT HĐQT, Ban Giám đốc
8:55-9:10	Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS) năm 2015;	Ban kiểm soát
9:10-9:20	Báo cáo tài chính đã kiểm toán của năm tài chính 2015;	Kế toán trưởng
9:20-9:30	Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015; Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty;	Kế toán trưởng
9:30-10:00	Tờ trình chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Tờ trình phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát công ty năm 2015 và kế hoạch năm 2016;	HĐQT
10:00-10:20	Tờ trình về bầu bổ sung thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, sửa đổi Điều lệ Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh;	HĐQT
10:20-11:00	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình	Cổ đông
11:00-11:20	Nghỉ giải lao	
11:20-11:30	Công bố kết quả kiểm phiếu thông qua các tờ trình, kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11:30-11:40	Thông qua biên bản đại hội	Thư ký
11:40-11:50	Thông qua nghị quyết đại hội	HĐQT
11:50-12:00	Tổng kết và tuyên bố bế mạc đại hội	IHQDT

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU  
BAN TỔ CHỨC ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2016**



Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu theo quy định;
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội;
3. Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua;
4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự, tắt điện thoại hoặc để chế độ im lặng;
5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
6. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

**Điều 2. Đoàn Chủ tịch Đại hội**

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 03 người: 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên của Đoàn Chủ tịch Đại hội. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
  - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;





- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - d. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.
  - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

### **Điều 3. Đoàn thư ký Đại hội**

- 1. Đoàn thư ký của Đại hội gồm 03 người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Đoàn thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
- 2. Nhiệm vụ của Đoàn thư ký:
  - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
  - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
  - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
  - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
  - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

- 1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người và có sự hỗ trợ của Tổ chức Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
  - 2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông
- Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

### **Điều 5. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người: 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
  - Điều hành và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
  - Điều hành việc bầu cử tại Đại hội và công bố kết quả bầu cử.
  - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 6. Thảo luận tại Đại hội:**

1. Nguyên tắc:
  - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;
  - Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
  - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
  - Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
  - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;
  - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

#### **Điều 7. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội:**

Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được DHDCD thảo luận và biểu quyết công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết trực tiếp theo đúng nguyên tắc đã được Ban kiểm phiếu hướng dẫn.

#### **Điều 8. Nghị Quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông.**

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.



## Điều 9. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.*

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐƯƠNG HỮU HIỆU". The outer ring of the stamp contains the text "T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ" at the top and "HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ" at the bottom. A handwritten signature in black ink is written over the stamp.

ĐƯƠNG HỮU HIỆU



A small, red, curved stamp located on the right side of the page. It contains the text "HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ" and a star symbol.



*BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015  
VÀ KẾT HOẠCH NĂM 2016*





-----  
Thái Nguyên, ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016**

-----  
\*\*\*\*\*  
-----

**Kính thưa các Quý vị cổ đông!**

Thay mặt HĐQT tôi xin cảm ơn các cổ đông đã dành thời gian đến tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và cảm ơn sự ủng hộ của các cổ đông đối với công ty trong suốt thời gian qua.

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định điều lệ của Công ty cổ phần TM&KTKS Dương Hiếu, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016 như sau:

**I. VỀ NHÂN SỰ, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:**

**1. Nhân sự của hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2012-2016) gồm:**

Ông Dương Hữu Hiếu:	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ga:	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)
Ông Trần Thanh Tùng:	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hải:	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trung:	Ủy viên
Ông Vạn Tiến Đức:	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 29/12/2015)

**2. Hoạt động của hội đồng quản trị:**

- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của điều lệ.
- HĐQT công ty đã thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ công ty và luật doanh nghiệp.

**3. Thù lao của Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015:



- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 60.000.000 đồng / năm
- Thành viên hội đồng quản trị : 60.000.000 đồng /người/năm

## II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

### 1. Về kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty năm 2015

Trong năm 2015 vừa qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời Hội đồng quản trị đã có chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 của Công ty đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% TH/KH 2015
1	Doanh thu bán hàng	Tr. Đồng	500.000	476.064	95
2	Lợi Nhuận sau thuế	Tr. Đồng	7.800	5.244	67
3	Thu nhập mỗi cổ phiếu	Đồng	300	201	61

2. Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2015, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước để lại. Hội đồng quản trị đề xuất chia cổ tức bằng cổ phiếu 7%/ VĐL.

### 3. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2015.

- Tổng quan: Trong năm 2015 nền kinh tế của đất nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành sản xuất gang thép sụt giảm mạnh do giá trên thế giới giảm sâu. Giá phôi thép nhập khẩu thấp hơn giá phôi được sản xuất từ quặng sắt từ 2-4 triệu đồng/ tấn. Do vậy các nhà máy sản xuất phôi thép trong nước sản xuất cầm chừng hoặc ngừng sản xuất. Trong khi đó thị trường Trung Quốc đóng cửa các nhà máy sản xuất thép, tập trung vào tiêu thụ hàng tồn kho và cơ cấu lại ngành sản xuất thép. Điều đó làm ảnh hưởng trực tiếp thị trường quặng sắt trên thế giới trong đó có Việt Nam.
- Do thị trường quặng sắt chưa hồi phục nên công ty liên doanh (Công ty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt) tạm ngừng sản xuất. Lượng quặng sắt tồn kho của công ty cũng không tiêu thụ được trong năm 2015 do thị trường đóng băng.
- Các mảng kinh doanh thương mại khác vẫn tăng trưởng tốt, vượt kế hoạch đề ra. Năm 2015 công ty đã mở rộng thêm nhiều thị trường tiêu thụ thiết bị điện Siemens và các thiết bị vật tư khác cung cấp cho ngành xây dựng, hàng không, điện lực, cảng biển....



- Kết quả kinh doanh năm 2015 không đạt được như nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua do thị trường quặng sắt chưa phục hồi. Với sự nỗ lực phát triển thị trường kinh doanh thương mại của HĐQT, kết quả kinh doanh của toàn hệ thống công ty không đạt kế hoạch nhưng vẫn tăng so với năm 2014 là 168 %.
- Trong năm 2015 thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã tập trung phân tích, đánh giá thị trường và đã quyết định thoái vốn góp vào Công ty CP TM& KTKS Miền Trung từ 40% xuống còn 10% đồng thời tăng tỷ lệ nắm giữ của công ty Bắc Việt từ 30% lên 45%. Đây là định hướng phát triển chiến lược của công ty từ ngày chuyển đổi từ công ty TNHH sang mô hình công ty cổ phần. Đầu tư sâu vào lĩnh vực kinh doanh và khai thác khoáng sản
- Trang trại CN Quảng Nam đã hoạt động ổn định, kế hoạch nuôi trồng thủy sản vẫn theo đúng chu kỳ. Trang trại Ba Ba giai đoạn 2 vẫn chưa thống nhất được giải phóng mặt bằng với nhân dân địa phương nên HĐQT quyết định ngừng triển khai.

#### 4. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2015 , Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 Cuộc họp. Các cuộc họp đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT/DH	06/3/2015	- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
02	04/ NQ-HĐQT/2015	19/06/2015	-Triển khai thực hiện NQ ĐHĐCĐ 2015
03	05/ NQ-HĐQT/2015	28/9/2015	-Báo cáo tình hình thực hiện các dự án
04	06/ NQ-HĐQT/2015	03/11/2015	-Mua thêm cổ phần công ty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt
05	07/ NQ-HĐQT/2015	29/12/2015	- Bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Phó tổng giám đốc.

### III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Năm 2016 tiếp tục được đánh giá là khó khăn do tình hình bất ổn định trên thế giới, đặc biệt Trung Quốc là nước có ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế của Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi nên



thị trường quặng sắt có thể sẽ không có thay đổi nhiều trong năm 2016. Theo nhận định của các chuyên gia bắt đầu từ năm 2017 thị trường sắt thép nói chung thị trường quặng sắt nói riêng sẽ phục hồi trở lại. Các mảng thương mại của công ty năm 2016 được nhận định có nhiều thuận lợi hơn năm 2015 do công ty đã mở rộng thị trường tiêu thụ và và kinh doanh thêm các mặt hàng mới cung cấp cho thị trường.

**Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch và định hướng năm 2016 như sau:**

- Tập trung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định kịp thời những vấn đề phục vụ cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Kiểm soát hệ thống quản trị, quản lý và điều hành.
- Triển khai nhanh chóng, kịp thời việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, tập trung xây dựng, đánh giá và thực hiện các dự án chiến lược của công ty. Tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực khoáng sản, tăng thêm tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty Bắc Việt trong thời gian tới, tăng tỷ lệ nắm giữ từ 45% lên 60%/vốn điều lệ trở lên. Nghiên cứu thị trường, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và chế biến gỗ tự nhiên, xử lý rác thải, dịch vụ vui chơi giải trí, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ than bùn.
- Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản vào trang trại Quảng Nam.
- Sử dụng nguồn vốn đầu tư linh hoạt, thoái vốn kịp thời khỏi các dự án xét thấy không còn hiệu quả trong tương lai.
- Mở rộng thị trường kinh doanh thương mại sang nhiều lĩnh vực, cung cấp vật tư, thiết bị cho các ngành như: xây dựng, viễn thông, điện lực, hàng không, cảng biển...trên khắp mọi tỉnh thành cả nước. Hiện nay, Công ty đã mở các chi nhánh ở các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng , Quảng Nam. Hoạt động kinh doanh thương mại của các chi nhánh đều phát triển tốt, kết quả kinh doanh năm sau cao hơn năm trước.
- Dự án xây dựng nhà hàng tại Đà Nẵng đến thời điểm hiện tại xét thấy không khả thi nên HĐQT quyết định ngừng không đầu tư nữa, chuyển nhượng 02 lô đất trong thời gian tới để đầu tư cho các dự án khác.
- Cập nhật kịp thời những văn bản, chính sách mới của Nhà nước liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản.

- Theo dõi bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và các công ty liên doanh, góp vốn để kịp thời đưa ra giải pháp thích hợp và hiệu quả.

**Về công tác quản trị :**

Thúc đẩy triển khai các bước tiếp theo của dự án chiến lược. Kiện toàn hệ thống quản lý theo cơ cấu tổ chức mới, bổ sung đủ các vị trí nhận sự quản lý còn thiếu, đánh giá và thay thế các vị trí nhận sự không theo kịp yêu cầu phát triển. Chú trọng công tác đào tạo huấn luyện , giám sát cho đội ngũ quản lý trẻ, năng động. Ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh. Phát huy năng lực và kiện toàn bộ phận mũi nhọn – bộ phận kinh doanh của Công ty. Đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích. Xây dựng bộ chuẩn năng lực về con người để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn năng lực cho tầm nhìn của Công ty Dương Hiếu.

- Về chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu năm 2016:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2016	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ	400-500	Tăng 5% so năm 2015
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	10-15	Tăng 90% so năm 2015
4	Thu nhập mỗi cổ phiếu	Đồng	400-500	Tăng 90 % so năm 2015.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT công ty trong năm 2015 và định hướng hoạt động cho năm 2016, kính trình Đại hội đồng cổ đông tiếp tục ủng hộ và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện.

Trân trọng cảm ơn Quý Vị Cổ đông.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS
- BTGD
- Cổ đông Cty Dương Hiếu
- Lưu HĐQT


  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
 (Ký và đóng dấu)  
**DUYNG HUU HIEU**



-----  
 Thái Nguyên, ngày 31 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015 VÀ  
 KẾ HOẠCH NĂM 2016**

Kính thưa Quý Cổ đông

Trước hết tôi xin cảm ơn quý Cổ đông đã dành thời gian tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2016.

Thay mặt ban Tổng giám đốc tôi xin báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch năm 2016.

**Ban giám đốc gồm:**

Ông Dương Hữu Hiếu: Tổng giám đốc  
 Ông Trần Thanh Tùng: Phó Tổng giám đốc  
 Ông Nguyễn Văn Ga: Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)  
 Ông Nguyễn Xuân Hoàn: Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)

**1. Kết quả kinh doanh năm 2015:**

Trong năm 2015, khủng hoảng kinh tế và bất ổn chính trị trên thế giới đã tác động đến Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Mặc dù đã được các cơ chế, chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, các Ban Ngành từ Trung ương đến địa phương giúp các đơn vị vượt qua khó khăn; song tình hình sản xuất, kinh doanh vẫn gặp rất nhiều khó khăn, hàng hóa tiêu thụ chậm đặc biệt là ngành sản xuất kinh doanh gang thép, quặng sắt giá sụt giảm mạnh, sức tiêu thụ yếu chưa từng có trong nhiều năm gần đây. Với sự nỗ lực của toàn thể Ban giám đốc, cán bộ, và công nhân viên nên việc kinh doanh của công ty vẫn đạt được kết quả đáng ghi nhận. Điều đó được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

**Kết quả kinh doanh năm 2015:**

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% TH/KH 2015
1	Doanh thu bán hàng	Tr. Đồng	500.000	476.064	95
2	Lợi Nhuận sau thuế	Tr. Đồng	7.800	5.244	67

3	Thu nhập mỗi cổ phiếu	Đồng	332	201	61
---	-----------------------	------	-----	-----	----

**PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	So sánh thay đổi		Tỉ trọng so với doanh thu (%)	
			Mức	Tỷ lệ (%)	2015	2014
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.725	485.191	(9.466)	98,05	100	100
2. Giá vốn hàng bán	453.721	456.779	(3.058)	99,33	95,37	94,14
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: (1)-(2)	22.004	28.412	(-6.408)	77,45	4,63	5,86
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.049	15	1.034	6993,33	0,22	0,003
5. Chi phí tài chính	3.697	7.278	(3.581)	50,80	0,78	1,50
6. Chi phí bán hàng	2.715	7.540	(-4.825)	36,01	0,57	1,55
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.151	9.899	252	102,55	2,13	2,04
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: (3)+[(4)-(5)]-(6)-(7)	6.490	3.710	2.780	174,93	1,36	0,76
9. Thu nhập khác	1.195	1.374	(179)	86,97	0,25	0,28
10. Chi phí khác	651	838	(187)	77,68	0,14	0,17
11. Lợi nhuận khác : (9)-(10)	544	536	8	101,49	0,11	0,11
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (8) + (11)	7.034	4.246	2.788	165,66	1,48	0,88
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.789	1.118	671	160,02	0,38	0,23
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.244	3.127	2.118	167,73	1,10	0,64
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	201	120	81	167,50	0,04	0,02



Nhìn vào bảng so sánh báo cáo kết quả kinh doanh của công ty có thể thấy hầu hết các khoản mục đều có xu hướng ổn định và gia tăng. Trong đó, doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ năm 2015 giảm 9.466 triệu đồng so với năm 2014 (đạt tỷ lệ 98 %). Nhưng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 lại tăng 2.118 triệu đồng ( tăng tương ứng 168%) so với năm 2014, tức là tỷ lệ tăng lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ duy trì doanh thu. Do đó mà số tỷ trọng lợi nhuận sau thuế theo doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng đáng kể từ 0,64% lên thành 1.11 %. Điều này cho thấy dù doanh nghiệp có chưa đạt được doanh số theo kế hoạch đề ra nhưng hoạt động hiệu quả hơn năm trước.

Năm 2015, hoạt động kinh doanh mặt hàng khoáng sản không đạt theo kế hoạch đề ra nhưng hoạt động kinh doanh thương mại khác lại vượt chỉ tiêu đề ra. Các chi phí giảm nhiều so với tốc độ tăng doanh thu tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / doanh thu đạt 1.10%.

**Cụ thể:**

+ Doanh thu năm 2015 đạt mức 475.725 triệu đồng so với năm 2014 ( tương ứng 98%). Nguyên nhân do mảng kinh doanh khoáng sản cụ thể là quặng sắt không thực hiện tiêu thụ trong năm , mảng thương mại công ty đã mở rộng quy mô kinh doanh đã đạt được kết quả tốt hơn năm trước .

+ Giá vốn hàng bán: Năm 2015 đã giảm so với năm 2014 đạt 99%, cao hơn tốc độ tăng của doanh thu làm tỷ trọng giá vốn tăng và chiếm 95% doanh thu (năm 2014, tỷ lệ này chỉ là 94 %) Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, giảm giá vốn hàng bán.

+ Chi phí tài chính: Năm 2015 đã giảm thấp hơn 3.581 triệu đồng (tương ứng 50%) so với năm 2014, làm cho tỷ trọng so với doanh thu giảm mạnh chỉ còn 0.78% ( Năm 2014 tỷ lệ này là 1.50%). Điều này thể hiện trong năm công ty đã quản lý, luân chuyển dòng tiền hợp lý, hạn chế tối đa chi phí lãi vay làm tăng hiệu quả kinh doanh trong năm.

Như vậy, năm 2015 kết quả kinh doanh lợi nhuận so với năm 2014 tăng 168%, doanh thu không đạt so với kế hoạch nhưng các khoản chi phí đã được kiểm soát tốt, tiết kiệm chi phí, kiểm soát và luân chuyển dòng tiền chặt chẽ, hợp lý là một trong những nguyên nhân đạt được kết quả kinh doanh của công ty năm 2015.

***Đánh giá khả năng phát triển doanh thu và lợi nhuận***

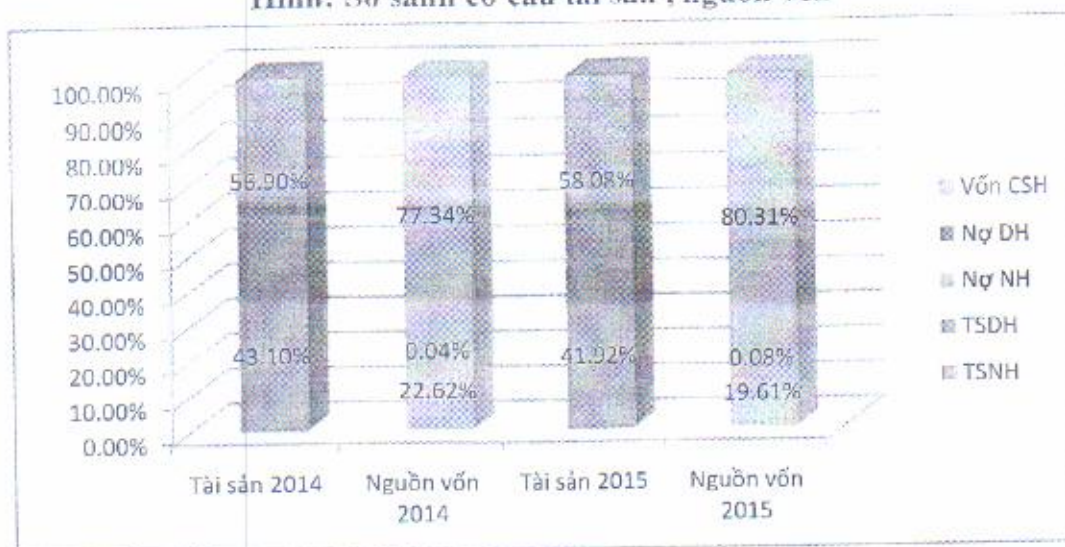
Mảng kinh doanh thương mại của Công ty được mở rộng thêm nhiều thị trường, cung cấp thiết bị, vật tư cho nhiều lĩnh vực mới, các mặt hàng kinh doanh thương mại cũng được công ty

phát triển thêm nhiều chủng loại từ năm 2015 nên năm 2016 doanh thu và lợi nhuận kinh doanh có nhiều triển vọng và thuận lợi.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1 Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Hình: So sánh cơ cấu tài sản, nguồn vốn



Qua bảng phân tích cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn cho thấy:

- Có sự thay đổi về cơ cấu tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp theo chiều hướng tốt. Công ty đã kiểm soát tốt tình hình tài chính.

- Trong năm 2015 tỷ lệ nợ ngắn hạn là 19.61% (giảm 3.01% so với năm 2014) trong khi tỷ lệ tài sản ngắn hạn chiếm đến 58.08% (tăng 1.18% so với năm 2014), tỷ lệ tài trợ dài hạn là 0.08% (tăng 0.04% với năm 2014) mà tỷ số cơ cấu tài sản cố định lại chiếm đến 41.92% (giảm 1.18% so với năm 2014). Điều này có nghĩa tình hình tài chính của công ty là vững chắc, công ty đang kiểm soát tốt tình hình tài chính, đang có cơ cấu tài chính hợp lý chủ động kiểm soát chi tiêu vốn trong việc kinh doanh.

- Với tỷ trọng của vốn chủ sở hữu (80.31%) lớn hơn rất nhiều so với tỷ trọng nợ phải trả, chỉ tiêu này cho thấy sự bảo toàn vốn cũng như mức độ tự chủ và độc lập tài chính là rất cao, đảm bảo được khả năng thanh toán nhanh.

### 2.2. Phân tích hiệu quả tài chính

Bảng tổng hợp các chỉ số khả năng sinh lời

Tên chỉ số	Công thức	Kết quả	
		Năm	Năm 2015



		2014	
Lợi nhuận biên (PM): ROS	$\frac{\text{Lãi ròng của cổ đông đại chúng}}{\text{Doanh thu}}$	0,64%	1,1%
Sức sinh lợi cơ sở (BEP)	$\frac{\text{Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)}}{\text{Tổng tài sản}}$	2,6%	2,9%
Tỷ suất thu hồi tài sản (ROA)	$\frac{\text{Lãi ròng của cổ đông đại chúng}}{\text{Tổng tài sản}}$	0,88%	1,51%
Tỷ suất thu hồi vốn góp (ROE)	$\frac{\text{Lãi ròng của cổ đông đại chúng}}{\text{Tổng vốn cổ phần đại chúng}}$	1,33%	2,23%

Nhìn vào bảng tổng hợp, ta có thể thấy các chỉ số về khả năng sinh lời của Doanh nghiệp năm 2015 tăng hơn so với năm trước. Điều này cho thấy cơ cấu vốn của doanh nghiệp là hợp lý và hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp đang dần cao lên.

### 2.3. Phân tích rủi ro tài chính

Bảng tổng hợp các chỉ số về khả năng thanh khoản

Tên chỉ số	Công thức	Kết quả	
		Năm 2014	Năm 2015
Khả năng thanh toán hiện hành	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$	1,9	2,1
Khả năng thanh toán nhanh	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn - hàng TK}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$	1,4	1,05
Khả năng thanh toán tức thời	$\frac{\text{Vốn bằng tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$	0,10	0,16

- *Khả năng thanh toán hiện hành (KNTTHH)*

Khả năng thanh toán hiện hành  $_{2014} = 1,9 > 1$  điều này chứng tỏ công ty có khả năng thanh toán hết các khoản nợ ngắn hạn.

Khả năng thanh toán hiện hành  $_{2015} = 2,1 > 1$  Hiện tại khả năng thanh toán nợ của công ty tốt, chỉ số này đã tăng so với năm 2014 điều này chứng tỏ công ty đang dần thể hiện tình hình độc lập, cân đối về khả năng thanh toán.

#### 2.4. Các chỉ số khả năng quản lý vốn vay

Bảng tổng hợp các chỉ số về khả năng quản lý vốn vay

Tên chỉ số	Công thức	Kết quả	
		Năm 2014	Năm 2015
Chỉ số nợ	$\frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$	22,66%	19,68%
Khả năng thanh toán lãi vay (TIE)	$\frac{\text{Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT)}}{\text{Lãi vay}}$	1,8	3,2
Khả năng thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$	4,4	5,1

##### - *Chỉ số nợ*

Chỉ số nợ cho thấy mức độ sử dụng vốn vay trong kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ số nợ  $_{2014} = 22,66\%$ , Chỉ số nợ  $_{2015} = 19,68\%$

Chỉ số nợ như trên là hợp lý, cho thấy doanh nghiệp chủ yếu sử dụng phần lớn nguồn vốn tự có để tài trợ cho các hoạt động của mình. Doanh nghiệp đang tự chủ, cân đối về nguồn vốn và đang không phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay. Mức độ rủi ro của công ty là thấp, khả năng sinh lời cao vì không bị lệ thuộc nhiều vào chi phí lãi vay.

##### - *Khả năng thanh toán lãi vay (KNTTLV)*

Chỉ số này cho thấy một đồng lãi vay của doanh nghiệp được che chở bởi hơn bao nhiêu đồng lợi nhuận trước lãi vay và thuế. Nói cách khác, lợi nhuận trước lãi vay và thuế của doanh nghiệp đủ đảm bảo thanh toán hết lãi vay trong kỳ.

Khả năng thanh toán lãi vay  $_{2014} = 1.8$

Khả năng thanh toán lãi vay  $_{2015} = 3.2$



Chỉ số khả năng thanh toán lãi vay của năm 2015 tăng nhanh so với năm 2014. Điều đó cho thấy mức đảm bảo cho lãi vay (bởi lợi nhuận trước lãi vay và thuế) tốt. Hệ thống tín dụng và bản hàng của công ty có niềm tin tốt vào doanh nghiệp.

- *Khả năng thanh toán tổng quát*

Khả năng thanh tổng quát<sub>2014</sub> = 4.4

Khả năng thanh tổng quát<sub>2015</sub> = 5.1

Chỉ số khả năng thanh toán tổng quát là trên 3 cho thấy giá trị tổng tài sản của doanh nghiệp lớn hơn số nợ mà doanh nghiệp phải trả. Do đó doanh nghiệp có khả năng thanh toán hết các khoản nợ của mình. Chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với các khoản nợ, nó giúp các chủ nợ tin tưởng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Khả năng thanh toán tổng quát của năm 2015 tốt hơn của năm 2014 (từ 4.4 lên 5.1) – do các khoản nợ phải trả năm 2015 giảm đi 11.927 triệu đồng ( tương đương giảm 14,84 %) so với năm 2014.

### **3. Đánh giá chung:**

**3.1 Về kết quả kinh doanh:** Kết quả kinh doanh năm 2015 không đạt được như nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua do thị trường quặng sắt chưa phục hồi. Với sự nỗ lực phát triển thị trường kinh doanh thương mại của Công ty, kết quả kinh doanh của toàn hệ thống công ty không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận đạt được cao hơn so với năm 2014 là 168 %.

### **3.2 Về công tác quản lý:**

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã có các quyết định về quản lý, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm... đối với cán bộ và người lao động trong công ty đúng quy định của Luật lao động và phù hợp với điều lệ hoạt động của công ty.

Tăng cường phân quyền cho các giám đốc chi nhánh, trưởng các phòng ban để đảm bảo tính hiệu quả và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch.

Khuyến khích các giám đốc chi nhánh, trưởng các phòng ban tham gia các lớp tập huấn, đào tạo của các đơn vị, tổ chức chuyên nghiệp nhằm nâng cao chuyên môn và hiệu quả công việc.

### **3.3 Về công tác kiểm soát:**

Trong năm Ban giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy chế tài chính, quy chế hoạt động, quy chế tiền lương nâng cao năng lực kinh doanh, tiết kiệm chi phí.

Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí, quản lý và kiểm soát vốn lưu động, hàng tồn kho.

### **3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016**

#### **3.1. Nhận định chung và những khó khăn trước mắt**

Năm 2016 tiếp tục được đánh giá là khó khăn do tình hình mất ổn định trên thế giới, đặc biệt Trung Quốc là nước có ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế của Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi nên thị trường quặng sắt có thể sẽ không có thay đổi nhiều trong năm 2016. Theo nhận định của các chuyên gia bắt đầu từ năm 2017 thị trường sắt thép nói chung thị trường quặng sắt nói riêng sẽ phục hồi trở lại. Các mảng thương mại của công ty năm 2016 được nhận định có nhiều thuận lợi.

#### **3.2. Định hướng chung**

Từ nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước, tình hình tài chính, nhân sự của công ty. Ban giám đốc đề ra định hướng kinh doanh chung cho năm 2016 như sau:

+ Nghiên cứu đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực mới, sản xuất chế biến gỗ tự nhiên, xử lý rác thải, dịch vụ vui chơi giải trí, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ than bùn...

+ Theo dõi, phân tích, cập nhật kịp thời diễn biến của thị trường. Đề xuất Hội đồng quản trị ra quyết định kịp thời đầu tư hoặc thoái vốn các dự án của công ty nhằm bảo toàn và phát triển vốn an toàn hiệu quả.

+ Thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tiếp tục mở rộng thêm các thị trường mới trong và ngoài nước. Hợp tác ký hợp đồng phân phối thiết bị với một số đối tác mới để mở rộng thêm phạm vi cung cấp.

+ Quản lý và kiểm soát chặt chẽ tài chính, giảm tối đa các chi phí.

Nhằm đảm bảo tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ kế hoạch mở rộng kinh doanh, hạn chế chi phí lãi vay huy động, tăng hiệu quả kinh doanh năm 2016.

#### **3.3 Các chỉ tiêu cụ thể**

Căn cứ vào định hướng trên kết hợp với nhận định thị trường, khả năng thực tế của Công ty. Công ty dự kiến Kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2016 với các chỉ tiêu chính như sau:



1. Tổng doanh thu	400-500 tỷ đồng
Trong đó :	
+ Doanh thu kinh doanh Thương Mại	60%
+ Doanh thu từ khoáng sản	30%
+ Doanh thu từ các mặt hàng mới	10%
2. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận	
+ Lợi nhuận sau thuế	10-15 tỷ đồng

*Trên đây là báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch đề ra cho năm 2016. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!*

**TM BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**



-----  
Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban kiểm soát Công ty cổ phần thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu xin gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe tới toàn thể Quý vị đại biểu và Quý cổ đông.

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – tư vấn Đất Việt.

- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Soát năm 2015.

Ban Kiểm soát Công ty CP thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2015 như sau:

**I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát:**

- Trong năm 2015 Ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp định kỳ. Cụ thể như sau:

Stt		Ngày	Nội dung
1	01/BB - BKS	25/3/2015	Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS và kế hoạch hoạt động trong năm 2015
2	02/BB - BKS	31/12/2015	Thực hiện kiểm tra, rà soát toàn bộ sổ sách chứng từ, hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty

- Kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 Ban kiểm soát đã tiến hành họp để phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên trong ban kiểm soát.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác kiểm soát, cụ thể như sau:



- Đối với các cuộc họp của HĐQT, thành viên Ban kiểm soát đều tham dự, qua đó thường xuyên tham gia ý kiến, theo dõi và cập nhật kịp thời những thông tin, những vấn đề quan trọng liên quan đến các hoạt động Quản trị, Điều hành trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty theo tinh thần, nội dung Nghị quyết Đại hội đồng thường niên 2015 đã đề ra.
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty,
- Đồng thời BKS đã có sự phối hợp thường xuyên với HĐQT, Ban giám đốc Công ty. Hoạt động đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; độc lập, khách quan, tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước. Sử dụng nhiều cách thức, phương pháp khác nhau để tiến hành hoạt động của mình.
- Thẩm tra báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính.
- Rà soát toàn bộ sổ sách chứng từ kế toán của cả năm.
- Giám sát tình hình hoạt động đầu tư kinh doanh đối với các dự án công ty đang thực hiện.

## **II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty năm 2015:**

### **• VỀ CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Báo cáo tài chính của công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán tư vấn Đất Việt lập ngày 24 tháng 03 năm 2016 được lập trên cơ sở các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **• VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:**

*Đơn vị tính: VND*

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2015	Thực hiện từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	% hoàn thành
1	Tổng doanh thu	500.000.000.000	476.064.272.853	95
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.000.000.000	7.033.578.117	70
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.000.000	1.789.185.539	81
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.800.000.000	5.244.392.578	67
5	Chia cổ tức	10%/ Lợi nhuận	0	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		201	

Tổng doanh thu năm 2015 đạt 476.064.272.853 VNĐ đạt 95% so với kế hoạch đề ra

Lợi nhuận sau thuế là: 5.244.392.578 VNĐ đạt 67% kế hoạch năm.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận không đạt so với kế hoạch đề ra là do trong năm 2015 thị trường biến động xấu, tình hình kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm mạnh, hàng hóa tiêu thụ chậm nhất là trong lĩnh vực khoáng sản. Theo kế hoạch đề ra 80% lợi nhuận thu được là từ hoạt động kinh doanh các mặt hàng khoáng sản, nhưng trong năm mặt hàng này không tiêu thụ được nên ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, người lao động Công ty đã nỗ lực phấn đấu tập trung kinh doanh các mặt hàng công nghiệp khác như: Vật liệu chịu lửa, thiết bị điện... vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra theo kế hoạch.

• **VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN	Số dư đầu năm 01/01/2015	Số dư cuối năm 31/12/2015	So sánh thay đổi	
			Mức	Tỷ lệ %
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>152.815</b>	<b>145.718</b>	<b>(7.097)</b>	<b>95,36</b>
I. Tiền và các khoản tương đương với tiền	8.047	10.742	2.695	133,49
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	102.859	60.037	(42.822)	58,36



III. Hàng tồn kho	41.139	74.423	33.284	180,90
IV. Tài sản ngắn hạn khác	770	516	(254)	67,01
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>201.749</b>	<b>201.851</b>	<b>102</b>	<b>100,05</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	36	56	20	155,55
II. Tài sản cố định	100.029	100.265	236	100,24
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	100.505	100.164	(341)	99,66
IV. Tài sản đang dở dài hạn	311	355	44	114,14
IV. Tài sản dài hạn khác	868	1.011	143	116,47
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>354.564</b>	<b>347.569</b>	<b>(6.995)</b>	<b>98,02</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>80.355</b>	<b>68.428</b>	<b>(11.927)</b>	<b>85,16</b>
I. Nợ ngắn hạn	80.211	68.165	(12.046)	84,98
II. Nợ dài hạn	144	263	119	182,63
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>274.209</b>	<b>279.141</b>	<b>4.932</b>	<b>101,79</b>
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	234.984	234.984	0	100
II. Quỹ đầu tư phát triển	24.187	25.282	1.095	104,52
III. Quỹ dự phòng tài chính				
IV. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	939	939	0	100
V. Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước	14.099	17.936	3.837	127,21
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>354.564</b>	<b>347.569</b>	<b>(6.995)</b>	<b>98,02</b>

Qua số liệu về tình hình tài chính trong công ty Ban kiểm soát Công ty có một số ý kiến cụ thể như sau:

**2.1. Về tình hình quản lý tiền mặt:** Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2015 là: 10.742 triệu đồng chiếm 3,09 % tổng tài sản, tăng 133,49 % so với năm 2014. Điều này thể hiện khả năng thanh khoản của công ty cao nhưng Ban giám đốc công ty cần có kế hoạch sử dụng dòng tiền hợp lý hơn nữa, tránh việc tiền mặt tồn đọng nhiều gây lãng phí chi phí tài chính và không đảm bảo an toàn.



**2.2. Về tình hình quản lý công nợ phải thu:** Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 42,82 tỷ, tương đương với 58,36 % so với số đầu năm, trong khi doanh thu cũng đạt 98% so với năm 2014 điều này cho thấy trong năm công ty đã quản lý việc thu nợ tốt, không để khách hàng nợ quá hạn, Trong năm công ty không có các khoản công nợ phải thu cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**2.3. Về tình hình quản lý hàng tồn kho:** Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 là 74,423 tỷ đồng, chiếm 21,41 % so với tổng tài sản. Tăng 33,28 tỷ đồng tương đương với 180,9 % so với số đầu năm. Nguyên nhân tăng cũng là hợp lý trong chu kỳ sản xuất kinh doanh cũng như thời điểm giao nhau giữa số liệu chốt cuối năm với số đầu quý I năm sau của công ty. Cụ thể:

Trong tháng 12/2015 có mua một số mặt hàng dự trữ để phục vụ cho 01 số hợp đồng bán ra trong quý I/2016. Mặt khác trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang về nuôi thủy sản cũng đầu tư nuôi, thả thêm, tăng hơn so với cùng kỳ năm trước là 3.4%. Từ hai yếu tố trên dẫn đến hàng tồn kho tăng hơn so với năm 2014.

**2.4 Về tình hình quản lý công nợ phải trả:** Phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2015 là 68.428 triệu đồng giảm 11.927 triệu đồng tương đương 85,15% so với năm 2014. Điều này đã thể hiện nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty trong việc giám sát, kiểm tra chặt chẽ và có kế hoạch tìm nguồn tài chính, chủ động thanh toán kịp thời đúng hạn, đảm bảo uy tín với khách hàng của công ty.

**2.5. Về tình hình quản lý các khoản vay tín dụng:**

- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 là 52.237 triệu đồng tăng 12.314 triệu đồng tương đương với 130 % so với năm 2014. Do nhu cầu mở rộng kinh doanh nên trong năm công ty đã tăng huy động vốn vay ngân hàng. Căn cứ vào với số dư tài khoản tiền và tương đương tiền 10.742 triệu đồng và chi phí trả trước là 1.180 triệu và doanh thu tại cùng thời điểm là 475.725 triệu đồng thì khoản vay ngắn hạn là hợp lý và an toàn. Ban Lãnh đạo công ty nên cân nhắc việc quay vòng vốn cho hợp lý để hạn chế chi phí lãi vay nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2015 là 263 triệu đồng so với số dư tài sản dài hạn là: 201.851 triệu đồng cho thấy tài sản của công ty cơ bản được hình thành từ vốn tự có của doanh nghiệp. Các cổ đông hoàn toàn có thể yên tâm về mức độ chủ động trong nguồn vốn, mức độ độc lập về tài chính, không bị lệ thuộc vào vốn vay huy động tín dụng của công ty.

**2.6. Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:**

Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty hiện tại là hợp lý, thể hiện khả năng độc lập, tự chủ về tài chính thể hiện qua các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	So sánh
----------	----------	----------	---------



<b>1. Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	56,90%	58,08%	1,18%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	43,10%	41,92%	-1,18%
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	22,66%	19,69%	-2,97%
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	77,34%	80,31%	2,97%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	1.39	1.06	-0.33
- Khả năng thanh toán hiện hành	1.91	2.14	0.23
<b>4. Tỷ lệ sinh lời</b>			
- Lợi nhuận TT/ doanh thu thuần	0.87%	1.48%	0.61%
- Lợi nhuận TT/ vốn chủ sở hữu	1.55%	2.52%	0.97%

- *Về cơ cấu nguồn vốn:* Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng nguồn vốn chiếm 58.08 % tăng 1.18 % so với năm 2014 điều này thể hiện cơ cấu tài sản của Công ty đang chuyển dịch sang đầu tư theo chiều sâu, ổn định lâu dài về tài chính.
- *Về cơ cấu nguồn vốn:* Công ty đang kiểm soát tốt tình hình tài Chính, tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn là 80,31% tăng 2,97% so với năm 2014 thể hiện việc Công ty đang dần chủ động kiểm soát chi tiêu bằng vốn tự có hạn chế tối đa phát sinh chi phí lãi vay và lệ thuộc vào vốn vay tín dụng.
- *Về khả năng thanh toán:* Chỉ tiêu khả năng thanh toán của công ty >1 điều đó chứng minh công ty có khả năng thanh khoản tốt, Tạo được uy tín cho khách hàng trong quá trình kinh doanh thương mại.

#### IV. Kiểm soát công tác quản trị và điều hành Công ty:

##### 1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2015 Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chế độ đối với người lao động.

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp định kỳ hàng quý và bất thường, trong năm 2015 HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp ban hành các nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền quy định trong điều lệ của công ty và pháp luật kịp thời, phù hợp và tạo điều kiện cho Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp HĐQT đều được ghi chép đầy đủ, lưu tại văn phòng Hội đồng quản trị và gửi tới Ban kiểm soát. Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ, có đạo đức chuẩn mực, luôn trung thành với lợi ích của Công ty.

Hội đồng quản trị đã quyết định thoái một phần vốn góp tại công ty CP TM & khai thác khoáng sản Miền Trung. Hiện tại công ty chỉ còn nắm giữ 10% vốn điều lệ tại công ty CP TM & khai thác khoáng sản Miền Trung. Đồng thời công ty cũng tăng tỷ lệ nắm giữ tại công ty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt lên 45% . Vấn đề này đã được Hội đồng quản trị cân nhắc đầu tư đúng định hướng, trọng tâm theo chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh lâu dài của công ty đề ra.

## **2. Hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc:**

Ban tổng giám đốc có sự thay đổi nhân sự từ ngày 29/12/2015 đã bãi nhiệm ông Nguyễn Văn Ga và ông Nguyễn Xuân Hoàn – Phó Tổng giám đốc . Ban Tổng giám đốc hiện tại chỉ còn 02 thành viên.

Trong năm 2015 Ban giám đốc công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ

Trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban giám đốc và các bộ phận quản lý đã cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý điều hành để duy trì sự ổn định của Công ty. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt luôn phối hợp chặt chẽ, toàn tâm toàn ý phục vụ cho mục tiêu phát triển Công ty.

## **V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về việc quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện



cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Hội đồng quản trị đều có thông báo mời ban kiểm soát tham dự các cuộc họp và đóng góp ý kiến.

Đối với cổ đông: Trong năm 2015 BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá chung về quá trình thực thi nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các phòng ban của Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

#### **VI. Thù lao của các thành viên ban kiểm soát.**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tiêu Thị Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	
2	La Xuân Dương	TV Ban kiểm soát	60.000.000	
3	Tống Thị Thu	TV Ban kiểm soát	60.000.000	

#### **VII. Kết luận và kiến nghị:**

- Năm 2015 do thị trường xấu, giá quặng sắt và gang, thép sụt giảm mạnh dẫn đến hoạt động kinh doanh các mặt hàng liên quan đến khoáng sản, luyện kim không đạt được theo kỳ vọng đề ra. Bên cạnh đó các mặt hàng truyền thống là thiết bị điện và vật liệu chịu lửa vẫn mang về kết quả cao góp phần chính vào lợi nhuận năm 2015.
- Nhằm đạt được hiệu quả cao hơn nữa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong năm 2016 và những năm tiếp theo, Ban kiểm soát kiến nghị một số nội dung như sau:
  1. Hội đồng quản trị tập trung các nguồn lực cho hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu, chiến lược mà đại hội đồng cổ đông đề ra.
  2. Tiếp tục đổi mới công tác quản trị, kiểm soát phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát hiện kịp thời các thiếu sót, yếu kém, lãng phí để có biện pháp khắc phục ngay. Tập trung áp dụng triệt để các biện pháp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3. Tăng cường công tác phân cấp quản lý, quản trị kinh doanh. Kết hợp kiểm soát chặt chẽ nhu cầu dự trữ hàng tồn kho hợp lý với quản lý dòng tiền, tăng vốn quay vốn lưu động, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn vay, giảm thiểu chi phí tài chính.
4. Thúc đẩy các dự án đã và đang đầu tư, sớm đưa vào hoạt động.

#### **VIII. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2016.**

Kế hoạch hoạt động trong năm 2016 của Ban kiểm soát tập trung vào một số nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu sau:

- Kiểm tra thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quý, bán niên, năm, kiểm soát công tác hạch toán kinh doanh, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực của chứng từ kế toán, bảo toàn và phát triển vốn tại công ty.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện và quyết toán vốn đầu tư vào các dự án.
- Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ của công ty, công tác đột xuất khác mà HĐQT, các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của ban kiểm soát được quy định.
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016
- Thường xuyên phối hợp với các phòng ban công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và công tác tổ chức quản lý tại toàn hệ thống công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016 của Công ty CP TM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu.

Kính chúc Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra. Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



TIÊU THỊ MINH ĐỨC



Số: **01** / TT- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày **01** tháng **9** năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán)*

**Kính thưa Quý vị cổ đông!**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản Dương Hiếu.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán tư vấn Đất Việt tại Hà Nội tiến hành kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu công bố công khai theo quy định. Các báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

**Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2015
<b>I. TỔNG TÀI SẢN</b>	<i>triệu đồng</i>	<b>347.569</b>
1. Tài sản ngắn hạn	<i>triệu đồng</i>	145.718
2. Tài sản dài hạn	<i>triệu đồng</i>	201.851



<b>II. Nợ phải trả</b>	<i>triệu đồng</i>	<b>68.428</b>
1. Nợ ngắn hạn	<i>triệu đồng</i>	68.165
2. Nợ dài hạn	<i>triệu đồng</i>	263
<b>III. Vốn chủ sở hữu</b>	<i>triệu đồng</i>	<b>279.141</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	<i>triệu đồng</i>	234.984
2. Thặng dư vốn cổ phần	<i>triệu đồng</i>	
3. Quỹ đầu tư phát triển	<i>triệu đồng</i>	25.282
4. Lỗ lũy kế	<i>triệu đồng</i>	0
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
1. Tổng doanh thu	<i>triệu đồng</i>	476.064
2. Lợi nhuận trước thuế	<i>triệu đồng</i>	7.033
3. Thuế TNDN năm 2015	<i>triệu đồng</i>	1.789
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	<i>triệu đồng</i>	5.244

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**






**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 31



## CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 463/1, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ga	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)
Ông Trần Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Ủy viên
Ông Văn Tiến Đức	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 29/12/2015)

##### Ban Giám đốc

Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ga	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)
Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/12/2015)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2016



Số: 045/2016/BCTC-KTV/HN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/03/2016, từ trang 03 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn****HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1**NGUYỄN NGỌC TỬ - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>145.717.766.192</b>	<b>152.815.153.264</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.742.121.339</b>	<b>8.047.307.870</b>
1. Tiền	111	V.1	10.742.121.339	8.047.307.870
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.037.480.268</b>	<b>102.858.788.912</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.579.895.464	86.909.668.038
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.300.743.379	2.390.139.499
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.156.841.425	13.558.981.375
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>74.422.403.198</b>	<b>41.139.430.543</b>
1. Hàng tồn kho	141		76.465.235.645	41.139.430.543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.042.832.447)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>515.761.387</b>	<b>769.625.939</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	169.178.921	766.597.297
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		346.582.466	3.028.642
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.851.656.785</b>	<b>201.749.670.211</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>56.235.000</b>	<b>36.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	56.235.000	36.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>100.264.733.134</b>	<b>100.029.010.322</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	10.481.148.414	10.245.425.602
- Nguyên giá	222		17.686.860.234	16.248.374.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.205.711.820)	(6.002.949.177)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	89.783.584.720	89.783.584.720
- Nguyên giá	228		90.073.584.720	90.073.584.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(290.000.000)	(290.000.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.6</b>	<b>355.714.000</b>	<b>310.813.400</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		355.714.000	310.813.400
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>100.164.040.820</b>	<b>100.505.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		90.000.000.000	100.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.505.000.000	505.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.959.180)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.010.933.831</b>	<b>868.846.489</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.010.933.831	868.846.489
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>347.569.422.977</b>	<b>354.564.823.475</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.428.126.533</b>	<b>80.355.142.791</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.165.495.283</b>	<b>80.211.142.791</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.032.120.522	29.155.898.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.591.589.007	1.560.799.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.354.220.017	5.323.994.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	615.745.655	682.961.834
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.640.175	339.133.303
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	52.236.754.602	39.922.166.088
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.332.425.305	3.226.188.487
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>262.631.250</b>	<b>144.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10b	262.631.250	144.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>279.141.296.444</b>	<b>274.209.680.684</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>279.141.296.444</b>	<b>274.209.680.684</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.983.700.000	234.983.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.983.700.000	234.983.700.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.282.407.648	24.187.688.785
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		938.877.426	938.877.426
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.936.311.370	14.099.414.473
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.691.918.792	10.971.646.291
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.244.392.578	3.127.768.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>347.569.422.977</b>	<b>354.564.823.475</b>



Dương Hữu Hiếu  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2016

Trần Thị Thịnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thủy Quyên  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**MÃ SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	476.064.272.853	488.296.658.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	339.563.349	3.105.905.240
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>475.724.709.504</b>	<b>485.190.752.832</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	453.720.967.545	456.779.311.563
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>22.003.741.959</b>	<b>28.411.441.269</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.048.941.893	15.396.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.697.195.417	7.277.650.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.169.520.636</i>	<i>5.035.279.474</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.715.437.945	7.539.798.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.151.091.433	9.898.611.240
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.488.959.057</b>	<b>3.710.776.562</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.195.442.498	1.373.651.214
12. Chi phí khác	32	VI.7	650.823.438	838.085.484
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>544.619.060</b>	<b>535.565.730</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.033.578.117</b>	<b>4.246.342.292</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.789.185.539	1.118.574.110
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.244.392.578</b>	<b>3.127.768.182</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.9</b>	<b>201</b>	<b>120</b>



Dương Hữu Hiếu  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 23 tháng 03 năm 2016

Trần Thị Thịnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thủy Quyên  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Mẫu số B 03-DN-**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.033.578.117	4.246.342.292
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.202.762.643	1.072.405.589
- Các khoản dự phòng	03		2.383.791.627	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(105.659.096)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.865.017)	2.012.488.964
- Chi phí lãi vay	06		3.169.520.636	5.035.279.474
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.671.128.910	12.366.516.319
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.441.848.747	(15.036.000.889)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.325.805.102)	33.218.924.513
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.917.127.793)	9.231.210.542
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		455.331.034	3.429.279.032
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.169.520.636)	(5.035.279.474)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(233.318.759)	(4.660.248.405)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(206.540.000)	(268.181.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.284.003.599)	33.246.220.107
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.470.758.182)	(876.891.984)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	(52.644.068.183)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		41.003.043.200	14.856.613.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.865.017	14.305.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.545.150.035	(38.650.040.839)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		157.953.363.547	164.949.349.227
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(145.520.143.783)	(153.542.783.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.433.219.764	11.406.565.349
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.694.366.200	6.002.744.617
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.047.307.870	2.044.563.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		447.269	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.742.121.339	8.047.307.870



Dương Hữu Hiếu  
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2016

Trần Thị Thịnh  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Quyên  
 Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Thương mại & khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4600341471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2003. Giấy đăng ký kinh doanh được phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 06 tháng 11 năm 2013 với Vốn điều lệ là 234.983.700.000 đồng, mệnh giá cổ phần 10.000 đồng.

Trụ sở chính của công ty tại số 463/1 Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Công ty có các chi nhánh tại các địa điểm sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa điểm</u>
Chi nhánh Thái Nguyên	Phan Đình Phùng - TP. Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Hà Nội	Phường Xa La - Quận Tây Hồ - Hà Nội
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Phường 2 - Quận Tân Bình - T.P Hồ Chí Minh
Chi nhánh Quảng Nam	Bình Quý - Quận Thăng Bình – Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh thành phố Đà Nẵng	Phường Hòa Thuận Tây - Quận Hải Châu- T.P Đà Nẵng

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến và vật liệu xây dựng khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (bán Phế liệu phế thải kim loại, phi kim loại, hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất nhà n ước cấm), chất tẩy rửa;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp, máy móc thiết bị điện, vật liệu điện, máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị chống sét, thiết bị điều khiển tự động);
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (Thức ăn chăn nuôi);
- Bán buôn đồ uống (rượu bia, nước giải khát, nước uống dinh dưỡng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, Viễn thông;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (Cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Trung bày hàng mẫu);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (bán buôn than, dầu mỡ bôi trơn);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (đại lý bán vé máy bay);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (quặng chì, kẽm, đồng, vàng);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (quặng chì, kẽm, đồng, vàng, sắt);
- Bán buôn thực phẩm (bánh kẹo, thực phẩm chức năng, đồ hộp, hải sản);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà đất);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng công trình công nghiệp);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (dịch vụ du lịch sinh thái);
- Bán buôn máy vi tính thiết bị ngoại vi và phần mềm (bán buôn thiết bị tin học);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN**

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa (sản xuất gạch chịu lửa, vật liệu chịu lửa);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết bị điện, lò điện, thiết bị điện tử, tin học viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng), thiết bị chống sét, thiết bị điều khiển tự động).
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (lắp đặt điện, lò điện, thiết bị điện tử, tin học viễn thông (trừ thiết bị thu phát sóng), thiết bị chống sét, thiết bị điều khiển tự động);
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (bán buôn sản phẩm thuốc lá);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ gỗ);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn, nhà nghỉ).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Trồng cây lâu năm khác; trồng cây ăn quả;
- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của đơn vị có thời gian dưới 12 tháng.
- Đối với lĩnh vực nuôi Ba Ba chu kỳ nuôi có thời gian từ 18 đến 36 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**3. Áp dụng chính sách kế toán mới**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số VII.4.

### **5. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Các khoản đầu tư tài chính**

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc Năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua/sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	08 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản khác	04 – 20

**6. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất vì đây là quyền sử dụng lâu dài.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau: Phần mềm máy tính thời gian khấu hao từ 3 - 5 năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****7. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

**9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**16. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**17. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
	Tiền mặt	6.709.111.711
Tiền gửi ngân hàng	4.033.009.628	1.392.555.618
<b>Cộng</b>	<b>10.742.121.339</b>	<b>8.047.307.870</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>(277.876.274)</b>	<b>100.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện Kim Bắc Việt (1)	90.000.000.000	(277.876.274)	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Miền Trung (2)	-	-	40.000.000.000	-
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>10.505.000.000</b>	<b>(63.082.906)</b>	<b>505.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Miền Trung (2)	10.000.000.000	(63.082.906)	-	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam	505.000.000	-	505.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.505.000.000</b>	<b>(340.959.180)</b>	<b>100.505.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện Kim Bắc Việt: tăng do mua thêm 3.000.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 30.000.000.000 VND.

(2) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Miền Trung: giảm do bán 3.000.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 30.000.000.000 VND làm cho tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Miền Trung giảm từ 40% xuống còn 10%.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện Kim Bắc Việt	Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	45%	45%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Miền Trung	Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	10%	10%	Sản xuất, khai thác, chế biến các loại khoáng sản

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

## 3. Các khoản phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>47.579.895.464</b>	<b>86.909.668.038</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại Hà Chung	-	23.699.784.815
- Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	17.686.748.138	16.800.465.337
- Công ty TNHH MTV Cốp pha Thép Thái Hưng	10.484.839.300	-
- Các khách hàng khác	19.408.308.026	46.409.417.886
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>47.579.895.464</b>	<b>86.909.668.038</b>
<i>Trong đó Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	-	372.219.716
- Chi nhánh Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	-	372.219.716

## 4. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.156.841.425</b>	-	<b>13.558.981.375</b>	-
- Phải thu tiền bán cổ phần	-	-	11.003.043.200	-
- Kỳ quỹ, ký cược	409.186.200	-	495.731.175	-
- Tạm ứng	515.896.000	-	2.000.000.000	-
- Phải thu khác	231.759.225	-	60.207.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>56.235.000</b>	-	<b>36.000.000</b>	-
- Kỳ quỹ, ký cược	56.235.000	-	36.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.213.076.425</b>	-	<b>13.594.981.375</b>	-

## 5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	999.963.176	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	29.419.097.244	-	6.994.680.112	-
Hàng hóa	46.046.175.225	(2.042.832.447)	34.144.750.431	-
<b>Cộng</b>	<b>76.465.235.645</b>	<b>(2.042.832.447)</b>	<b>41.139.430.543</b>	-

## 6. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	307.150.000	310.813.400
<i>Dự án tại Đà Nẵng</i>	307.150.000	310.813.400
Sửa chữa tài sản	48.564.000	-
<b>Cộng</b>	<b>355.714.000</b>	<b>310.813.400</b>



**CÔNG TY CP THUỘC MẠI & KHAI THÁC KHOẢNG SÀN DƯƠNG HIỆU**

Số nhà 463/1, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	8.608.910.159	547.175.218	5.862.938.336	86.374.707	1.142.976.359	16.248.374.779
Mua trong năm	-	-	1.470.758.182	-	-	1.470.758.182
Giảm khác	-	-	(32.272.727)	-	-	(32.272.727)
Số dư cuối năm	8.608.910.159	547.175.218	7.301.423.791	86.374.707	1.142.976.359	17.686.860.234
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	2.427.289.121	140.947.943	3.208.571.422	86.374.707	139.765.984	6.002.949.177
Khấu hao trong năm	474.663.269	67.929.636	600.183.418	-	59.986.320	1.202.762.643
Phân loại lại	(35.096.293)	(3.917.667)	66.024.751	-	(27.010.791)	-
Số dư cuối năm	2.866.856.097	204.959.912	3.874.779.591	86.374.707	172.741.513	7.205.711.820
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	6.181.621.038	406.227.275	2.654.366.914	-	1.003.210.375	10.245.425.602
Tại ngày cuối năm	5.742.054.062	342.215.306	3.426.644.200	-	970.234.846	10.481.148.414

Trong đó:

- Giá trị còn lại Cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.545.234.968 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định Cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.575.748.910 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

## 8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	89.663.584.720	-	290.000.000	120.000.000	90.073.584.720
Phân loại lại	120.000.000	290.000.000	(290.000.000)	(120.000.000)	-
Số dư cuối năm	89.783.584.720	290.000.000	-	-	90.073.584.720
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	-	-	290.000.000	-	290.000.000
Phân loại lại	-	290.000.000	(290.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	-	290.000.000	-	-	290.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	89.663.584.720	-	-	120.000.000	89.783.584.720
Tại ngày cuối năm	89.783.584.720	-	-	-	89.783.584.720

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 35.513.584.720 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 290.000.000 VND.

## 9. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>169.178.922</b>	<b>766.597.297</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.256.390	38.493.686
- Chi phí mua bảo hiểm	25.064.298	52.407.537
- Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	75.850.000	-
- Các khoản khác	54.008.234	675.696.074
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.010.933.830</b>	<b>868.846.489</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	585.479.062	437.927.804
- Các khoản khác	425.454.768	430.918.685
<b>Cộng</b>	<b>1.180.112.752</b>	<b>1.635.443.786</b>



**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Số nhà 463/1, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>52.236.754.602</b>	<b>52.236.754.602</b>	<b>157.747.188.547</b>	<b>145.432.600.033</b>	<b>39.922.166.088</b>	<b>39.922.166.088</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	27.816.538.592	27.816.538.592	84.596.061.413	76.756.000.000	19.976.477.179	19.976.477.179
- Chi nhánh Lưu Xá (1)						
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (2)	21.233.129.926	21.233.129.926	69.964.041.050	68.341.800.033	19.610.888.909	19.610.888.909
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thái Nguyên (3)	2.926.361.084	2.926.361.084	2.926.361.084	-	-	-
- Các khoản vay dài hạn từ 1 năm trở xuống	260.725.000	260.725.000	260.725.000	334.800.000	334.800.000	334.800.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá (4)	144.000.000	144.000.000	144.000.000	334.800.000	334.800.000	334.800.000
Từ 1 năm trở xuống	144.000.000	144.000.000	144.000.000	334.800.000	334.800.000	334.800.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	116.725.000	116.725.000	116.725.000	-	-	-
- Chi nhánh Thái Nguyên (5)	116.725.000	116.725.000	116.725.000	-	-	-
Từ 1 năm trở xuống	116.725.000	116.725.000	116.725.000	-	-	-
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>262.631.250</b>	<b>262.631.250</b>	<b>466.900.000</b>	<b>348.268.750</b>	<b>144.000.000</b>	<b>144.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	144.000.000	144.000.000	144.000.000
- Chi nhánh Lưu Xá (4)	-	-	-	144.000.000	144.000.000	144.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	144.000.000	144.000.000	144.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	262.631.250	262.631.250	466.900.000	204.268.750	-	-
- Chi nhánh Thái Nguyên (5)	262.631.250	262.631.250	466.900.000	204.268.750	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	262.631.250	262.631.250	466.900.000	204.268.750	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52.499.385.852</b>	<b>52.499.385.852</b>	<b>158.214.088.547</b>	<b>145.780.868.783</b>	<b>40.066.166.088</b>	<b>40.066.166.088</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá:

Hợp đồng tín dụng số 15021005/2015 - HDTDHM/NHCT224 - DUONG HIEU ngày 19/06/2015 hạn mức cho vay tối đa 30.000.000.000 VND, các điều khoản chính như sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 4 tháng với từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh;
- Phương thức đảm bảo:

+ Thế chấp tài sản của Bà Nguyễn Thị Kim Loan bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 2701120246 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/12/1998.

+ Thế chấp tài sản của Bà Nguyễn Thị Kim Loan bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 2701130209 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23/12/1999.

+ Thế chấp tài sản của Ông Dương Hữu Hiếu bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T397993 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27/06/2001. Giấy phép xây dựng và văn bản hướng dẫn xây dựng nhà số 260/GPXD UBND TP. Thái Nguyên cấp ngày 24/05/2007.

+ Thế chấp tài sản của Ông Nguyễn Văn Ga bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 027232 do UBND Thành phố Thái Nguyên cấp ngày 04/10/2011.

+ Thế chấp tài sản của Ông Nguyễn Tiến Hà bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 672529 do UBND Thành phố Thái Nguyên cấp ngày 29/03/2011.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015: 27.816.538.592 VND.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên :

Hợp đồng tín dụng số 115.15.092.491629.TD tháng 06/2015 hạn mức cho vay tối đa 50.000.000.000 VND, các điều khoản chính như sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 4 tháng với từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh;
- Phương thức đảm bảo:

+ GCN quyền sử dụng đất số AL556590 do UBND TP Đà Nẵng cấp 26/12/2007 cho Bà Phan Thị Minh Nguyệt, Ông Huỳnh Chúc. Ngày 02/05/2013 đã chuyển nhượng cho Công ty CP Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu giá trị tài sản đảm bảo: 12.250.000.000 VND;

+ GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE431744 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011 cho Ông Phạm Hải Sơn và Ông Dương Hữu Hiếu. Ngày 02/05/2013 đã chuyển nhượng cho Công ty CP Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu, giá trị tài sản đảm bảo: 12.118.000.000 VND;

+ Các khoản phải thu từ Công ty CP Thương mại Thái Hưng và Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên. Chi tiết theo các hợp đồng thế chấp có liên quan;

+ Các tài sản khác là giấy tờ có giá, bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị,... theo quy định nhận TSDB của MB.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015: 21.233.129.926 VND.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP hàng hải - Chi nhánh Thái Nguyên:

Hợp đồng tín dụng số 0015/2015/HDTDHM ngày 14/10/2015, hạn mức vay tối đa 30.000.000.000 VND các điều khoản chính như sau:

- Mục đích vay:
- + Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- + Phát hành các loại bảo lãnh, Phát hành các loại L/C



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 28/9/2015
- Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh;
- Phương thức đảm bảo:
  - + Ký quỹ bằng tiền mặt.
  - + Thế chấp tài sản: quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 02A14-6, tờ bản đồ số: KT01/1, lô 02A14-6 khu dân cư Bắc Tương Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI.556590,H12854 ngày 26/12/2007
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015: 2.926.361.084 VND.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá:  
Hợp đồng tín dụng số 13021122/DA ngày 26 tháng 05 năm 2013 và 13021059/2013 - HDTDDA/NHCT224 -DH ngày 26 tháng 06 năm 2013, các điều khoản chính như sau:

- Mục đích vay:
  - + Mua xe ô tô con Toyota Fortuner KUN60L-NKMSHU (Fortuner G), 07 chỗ ngồi lắp ráp trong nước, mới 100%.
  - + Mua xe ô tô tải (thùng kín) 2 tấn, hiệu Thaco HUYNDAI HD65 cho chi nhánh Quảng Nam.
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh;
- Phương thức đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015: 144.000.000 VND.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên:

Hợp đồng tín dụng số 46.15.092.491629.TD ngày 16/03/2015, các điều khoản chính như sau:

- Mục đích vay: Vay trung hạn đầu tư mới 1 xe ô tô Toyota Hilux E 4x4 (xe 1 cầu) theo hợp đồng số 1116/HDMB-THTC/15 ký ngày 20/01/2015 giữa Công ty TNHH Toyota Hiroshima Tân Cảng - HT và Công ty CPTM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
- Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh;
- Phương thức đảm bảo: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015: 379.356.250 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**11. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.032.120.522</b>	<b>4.032.120.522</b>	<b>29.155.898.552</b>	<b>29.155.898.552</b>
- Công ty CP BCH	452.944.085	452.944.085	-	-
- SIEMENS AG I IA EC OP	1.040.242.302	1.040.242.302	2.373.065.472	2.373.065.472
- Công ty CP Kim Khí Bắc Thái	-	-	10.639.677.240	10.639.677.240
- Công ty Cổ phần Hoàng Thái	-	-	5.192.998.680	5.192.998.680
- Công ty TNHH Siemens Việt Nam	372.284.330	372.284.330	3.192.827.660	3.192.827.660
- Công ty TNHH SIEMENS	1.115.499.680	1.115.499.680	2.005.641.137	2.005.641.137
- Các khách hàng khác	1.051.150.125	1.051.150.125	5.751.688.363	5.751.688.363
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.032.120.522</b>	<b>4.032.120.522</b>	<b>29.155.898.552</b>	<b>29.155.898.552</b>
Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	2.732.904.000	2.732.904.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	-	-	2.732.904.000	2.732.904.000

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	4.880.060.513	4.283.103.802	7.097.169.649	2.065.994.666
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.120.385.103	2.120.385.103	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	434.805.040	1.789.185.539	233.318.759	1.990.671.820
Thuế thu nhập cá nhân	9.129.215	73.240.884	51.928.099	30.442.000
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	467.492.611	200.381.080	267.111.531
<b>Cộng</b>	<b>5.323.994.768</b>	<b>8.740.407.939</b>	<b>9.710.182.690</b>	<b>4.354.220.017</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Chi phí lãi vay	75.745.655	-
Chi phí bảo hành hàng hóa	-	142.961.834
<b>Cộng</b>	<b>615.745.655</b>	<b>682.961.834</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
a, Ngắn hạn	2.640.175	339.133.303
Bảo hiểm xã hội	-	905.880
Bảo hiểm y tế	1.825.875	-
Bảo hiểm thất nghiệp	814.300	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	338.227.423
b, Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.640.175</b>	<b>339.133.303</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số dư đầu năm	234.983.700.000	24.187.688.785	938.877.426	13.332.501.729	273.442.767.940
Lãi trong năm	-	-	-	3.127.768.182	3.127.768.182
Giảm khác	-	-	-	(2.360.855.438)	(2.360.855.438)
Số dư cuối năm	234.983.700.000	24.187.688.785	938.877.426	14.099.414.473	274.209.680.684
<b>Năm nay</b>					
Số dư đầu năm	234.983.700.000	24.187.688.785	938.877.426	14.099.414.473	274.209.680.684
Lãi trong năm	-	-	-	5.244.392.578	5.244.392.578
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	1.094.718.863	-	-	1.094.718.863
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.407.495.681)	(1.407.495.681)
Số dư cuối năm	234.983.700.000	25.282.407.648	938.877.426	17.936.311.370	279.141.296.444

**15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Ông Dương Hữu Hiếu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	204.983.700.000	204.983.700.000
<b>Cộng</b>	<b>234.983.700.000</b>	<b>234.983.700.000</b>

**15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	234.983.700.000	234.983.700.000
Vốn góp Cuối năm	234.983.700.000	234.983.700.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**15.4. Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	23.498.370	23.498.370
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.498.370	23.498.370
Cổ phiếu phổ thông	23.498.370	23.498.370
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.498.370	23.498.370
Cổ phiếu phổ thông	23.498.370	23.498.370

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**15.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	25.284.184.276	24.187.688.785
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	938.877.426	938.877.426

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>476.064.272.853</b>	<b>488.296.658.072</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	476.064.272.853	488.296.658.072
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>339.563.349</b>	<b>3.105.905.240</b>
Hàng bán bị trả lại	339.563.349	3.105.905.240
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>475.724.709.504</b>	<b>485.190.752.832</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	453.635.537.985	456.779.311.563
<b>Cộng</b>	<b>453.635.537.985</b>	<b>456.779.311.563</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.865.017	14.305.728
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.036.076.876	1.090.304
<b>Cộng</b>	<b>1.048.941.893</b>	<b>15.396.032</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.169.520.636	5.035.279.474
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.026.794.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá	186.715.601	215.576.778
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	340.959.180	-
<b>Cộng</b>	<b>3.697.195.417</b>	<b>7.277.650.944</b>
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.121.064.852	1.719.656.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.901.772	5.677.810.900
Chi phí khác	287.471.321	142.331.495
<b>Cộng</b>	<b>2.715.437.945</b>	<b>7.539.798.555</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	443.435.028	1.206.652.740
Chi phí nhân công	4.491.011.344	5.285.661.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.320.501	563.140.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.678.989	141.912.622
Chi phí khác bằng tiền	4.242.645.571	2.701.243.992
<b>Cộng</b>	<b>10.151.091.433</b>	<b>9.898.611.240</b>
7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.195.442.498</b>	<b>1.373.651.214</b>
Hoa hồng được hưởng	843.187.525	1.094.934.214
Thu nhập khác	352.254.973	278.717.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>650.823.438</b>	<b>838.085.484</b>
Các khoản phạt (không gồm vi phạm hợp đồng)	279.122.577	369.239.719
Chi phí phạt hợp đồng	29.073.400	199.013.824
Chi phí khác	342.627.461	269.831.941
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>544.619.060</b>	<b>535.565.730</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	7.033.578.117	4.246.342.292
Điều chỉnh tăng	650.823.438	838.085.484
Chi phí không hợp lý hợp lệ	650.823.438	838.085.484
Điều chỉnh giảm	162.036.834	-
Chi phí đã bị loại trừ khi xác định chi phí được trừ theo Biên bản của Tổng Cục Thuế	162.036.834	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>7.522.364.721</b>	<b>5.084.427.776</b>
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.654.920.239</b>	<b>1.118.574.110</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	134.265.300	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.789.185.539</u></b>	<b><u>1.118.574.110</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.244.392.578	3.127.768.182
Các khoản điều chỉnh:	524.439.258	312.776.818
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	524.439.258	312.776.818
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.719.953.320	2.814.991.364
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	23.498.370	23.498.370
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>201</u></b>	<b><u>120</u></b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng 10% lợi nhuận sau thuế năm 2015.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.461.904.932	3.600.479.319
Chi phí nhân công	7.049.201.196	7.406.777.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.202.796.181	1.072.405.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.469.342	5.826.405.340
Chi phí khác bằng tiền	4.530.116.892	3.021.233.934
<b>Cộng</b>	<b><u>40.967.455.005</u></b>	<b><u>20.927.302.052</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

**Giao dịch phát sinh trong năm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Dương Hữu Hiếu Nguyễn Văn Ga	Chủ tịch HĐQT Ủy viên HĐQT	Bảo lãnh vay vốn Ngân hàng Bảo lãnh vay vốn Ngân hàng	18.528.476.449
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Đơn vị thuộc Công ty liên kết	Doanh thu Bán hàng hóa	1.200.787.848
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Công ty liên kết	Doanh thu Bán hàng hóa	2.901.497.600

**Số dư với các bên liên quan:**

	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Đơn vị thuộc Công ty liên kết	-	372.219.716
<b>Phải trả người bán</b>			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Đơn vị thuộc Công ty liên kết	-	2.732.904.000

**1.2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và hội đồng quản trị	876.052.000	572.340.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

2. Báo cáo bộ phận (chi tiết theo phụ lục số 01 – trang 31)

Trong năm kỳ, hoạt động hiện tại chủ yếu là buôn bán thương mại. Do đó thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

*Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty có hoạt động kinh doanh thương mại chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam.

*Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thép (phôi thép, thép cán,...) và vật tư, linh kiện, thiết bị điện do đó thông tin được trình bày theo mặt hàng kinh doanh chính trong kỳ.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.742.121.339	8.047.307.870
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.792.971.889	100.504.649.413
Đầu tư dài hạn	100.164.040.820	100.505.000.000
<b>Cộng</b>	<b>159.699.134.048</b>	<b>209.056.957.283</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	52.499.385.852	40.066.166.088
Phải trả người bán và phải trả khác	4.034.760.697	29.495.031.855
Chi phí phải trả	615.745.655	682.961.834
<b>Cộng</b>	<b>57.149.892.204</b>	<b>70.244.159.777</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

**3.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.5 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm -5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày Cuối năm</b>			
Các khoản vay	52.236.754.602	262.631.250	52.499.385.852
Phải trả người bán và phải trả khác	4.034.760.697	-	4.034.760.697
Chi phí phải trả	615.745.655	-	615.745.655
<b>Cộng</b>	<b>56.887.260.954</b>	<b>262.631.250</b>	<b>57.149.892.204</b>
<b>Tại ngày Đầu năm</b>			
Các khoản vay	39.922.166.088	144.000.000	40.066.166.088
Phải trả người bán và phải trả khác	29.495.031.855	-	29.495.031.855
Chi phí phải trả	682.961.834	-	682.961.834
<b>Cộng</b>	<b>70.100.159.777</b>	<b>144.000.000</b>	<b>70.244.159.777</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày Cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.742.121.339	-	10.742.121.339
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.736.736.889	56.235.000	48.792.971.889
Đầu tư dài hạn	-	100.164.040.820	100.164.040.820
<b>Cộng</b>	<b>59.478.858.228</b>	<b>100.220.275.820</b>	<b>159.699.134.048</b>
<b>Tại ngày Đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.047.307.870	-	8.047.307.870
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.468.649.413	36.000.000	100.504.649.413
Đầu tư dài hạn	-	100.505.000.000	100.505.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.515.957.283</b>	<b>100.541.000.000</b>	<b>209.056.957.283</b>

34  
 JG  
 PH  
 JNC  
 LAI  
 AN  
 JNG  
 JEM  
 JEM



**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**Số nhà 463/1, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****4. Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu Năm nay.

Mã số	Tên khoản mục	Số trước phân loại	Mã số	Tên khoản mục	Số sau phân loại
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	
131	1. Phải thu khách hàng	86.909.668.038	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	86.909.668.038
132	2. Trả trước cho người bán	2.390.139.499	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.390.139.499
135	5. Các khoản phải thu khác	11.063.250.200	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	13.558.981.375
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	2.495.731.175	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	36.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	310.813.400	<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	310.813.400
258	3. Đầu tư dài hạn khác	505.000.000	<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	505.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác	36.000.000	<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	
			268	4. Tài sản dài hạn khác	-

**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Số nhà 463/L, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Mã số	Tên khoản mục	Số trước phân loại	Mã số	Tên khoản mục	Số sau phân loại
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>					
300			300		
311	1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	39.587.366.088	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	39.922.166.088
312	2. Phải trả người bán	29.155.898.552	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	29.155.898.552
313	3. Người mua trả tiền trước	1.560.799.759	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.560.799.759
316	6. Chi phí phải trả	682.961.834	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	682.961.834
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	339.133.303	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	339.133.303
334	4. Vay và nợ dài hạn (*)	320.993.750	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (*)	144.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	17.625.163.924	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	24.187.688.785
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	6.562.524.861			

**C. NỢ PHẢI TRẢ**

1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (\*)
2. Phải trả người bán ngắn hạn
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn
6. Chi phí phải trả ngắn hạn
10. Phải trả ngắn hạn khác
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (\*)
8. Quỹ đầu tư phát triển

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511.256.719.350	01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.296.658.072
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.065.966.518	02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.105.905.240
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	133	70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	120

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu



**Dương Hữu Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 03 năm 2016

**Trần Thị Thịnh**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thủy Quyên**  
**Người lập biểu**

*Nguyễn Thủy Quyên*





**CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**Số nhà 463/1, đường Cách Mạng Tháng 8, tổ 16A, P.Hương Sơn,  
TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2015**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****PHỤ LỤC SỐ 01 - BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực (mặt hàng) kinh doanh của Công ty như sau:

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	<b>Mặt hàng Thép</b>	<b>Thiết bị điện</b>	<b>Các mặt hàng khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	350.699.006.736	103.056.507.811	21.969.194.957	475.724.709.504
Khấu hao và chi phí phân bổ	349.991.503.787	82.882.090.468	20.847.373.290	453.720.967.545
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	707.502.949	20.174.417.343	1.121.821.667	22.003.741.959
Chi phí không phân bổ				12.866.529.378
Doanh thu tài chính				1.048.941.893
Chi phí tài chính				3.697.195.417
Thu nhập khác				1.195.442.498
Chi phí khác				650.823.438
Lợi nhuận kế toán trước thuế				7.033.578.117
Chi phí thuế				1.789.185.539
Lợi nhuận sau thuế				<b>5.244.392.578</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	11.104.952.700	46.021.263.752		57.126.216.452
Tài sản không phân bổ				290.443.206.525
Tổng tài sản				347.569.422.977
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	452.944.085	33.543.739.531		33.996.683.616
Nợ phải trả không phân bổ				34.431.442.917
Tổng nợ phải trả				68.428.126.533

Số: QL / TTr- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI V& KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

(Thông qua việc trích lập các quỹ theo quy định của điều lệ, phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và dự kiến năm 2016)

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội cổ đông phương án trích lập các quỹ theo quy định của điều lệ, phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2015 và dự kiến năm 2016 như sau:

**I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho năm 2015 cụ thể như sau:**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ	ĐVT	Năm 2015
1. Lợi nhuận trước thuế		Đồng	7.033.578.117
2. Thuế TNDN phải nộp		Đồng	1.789.185.539
3. Lợi nhuận sau thuế		Đồng	5.244.392.578
4. Phân phối lợi nhuận		Đồng	1.153.766.367
4.1. Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	Đồng	262.219.629
4.2. Quỹ đầu tư phát triển (Bao gồm quỹ phát triển sản xuất kinh doanh và dự phòng tài chính)	5%	Đồng	262.219.629
4.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	Đồng	524.439.258
4.4. Quỹ thưởng ban điều hành	2%	Đồng	104.887.851
4.5. Lợi nhuận chia cổ tức		Đồng	
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước		Đồng	12.691.918.792
6. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết năm 2015		Đồng	16.782.545.003
7. Đề nghị chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015		Đồng	16.448.859.000





<b>8. Lợi nhuận chuyển năm sau</b>			333.956.003
------------------------------------	--	--	-------------

## II. Chia cổ tức 2015.

Theo quy định của điều lệ công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển là 30% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp .

Do hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015 còn thấp, tỷ lệ lợi nhuận chưa đạt so với kỳ vọng đề ra nên Hội đồng quản trị quyết định chi trích lập quỹ đầu tư phát triển 5%, còn lại chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Căn cứ vào nhu cầu vốn phục vụ kế hoạch mở rộng Kinh doanh năm 2016.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả.
- Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.
- Hoàn tất các thủ tục với Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở kế hoạch đầu tư Thái Nguyên và các cơ quan liên quan.
- Mức chi trả cổ tức: 7%
- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 16.448.859.000 đồng.

## III. Triển khai thực hiện:

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức được Đại hội thông qua, giao cho HĐQT căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 tổ chức triển khai thực hiện vào thời điểm thích hợp năm 2016.

## IV. Đề xuất năm 2016:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu, HĐQT đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 5%/ vốn điều lệ.

*Kinh trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



DUYNG HỮU HIẾU



**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016)*

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.*

*Xin trân trọng cảm ơn.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI &  
Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: Q4 / TTr- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty)*

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu;
- Căn cứ vào mô hình hoạt động của Công ty – tinh gọn hệ thống quản trị điều hành, hiệu quả tốt nhất cho việc điều hành công ty;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.*

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**

Số: 10 / TT- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI V& KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức)*

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

*Căn cứ luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;*

*Căn cứ báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán;*

Hội đồng quản trị Công ty CP TM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức để bổ sung vốn điều lệ, cụ thể:

**Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015**

Số lượng cổ phần đang lưu hành : 23.498.370 cổ phần

Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 1.644.885 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

Tổng mệnh giá phát hành: 16.448.850.000 đồng ( Mười sáu tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CP TM & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

Tỷ lệ phát hành 7% ( Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 07 cổ phần mới)

Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 160 cổ phiếu, cổ đông A được nhận  $160 \times 7\% = 11,2$  cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 11 cổ phiếu.

Nguồn sử dụng: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty CP TM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu.

Thời gian thực hiện: Trong vòng 06 tháng kể từ ngày được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.





**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**

Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm thích hợp phát hành.

Thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Đăng ký tăng vốn, thay đổi đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành.

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**



Số: 05/ TT- ĐHCD

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2016

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD năm 2015, căn cứ vào Kế hoạch KD của Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu năm 2016, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2015 và xin đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2016 như sau:

\* **Tổng mức thù lao:**

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2015	Đề xuất thù lao năm 2016
Hội đồng Quản trị	- 5 triệu đồng/ người/tháng - Tổng số: 300 triệu đồng/ năm	- Thành viên kiêm nhiệm không hưởng thù lao. - Các thành viên còn lại: 2.5 triệu đồng/ người/tháng
Ban kiểm soát	T. Ban kiểm soát: 10 triệu đồng/ tháng - TV. BKS: 5 triệu đồng / người/ tháng - Tổng số: 240 triệu đồng/ năm	- Trưởng BKS: 5 triệu đồng/ tháng - TV. BKS: 2.5 triệu đồng/ người/ tháng

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy chế của Công ty.

\* **Ngân sách hoạt động:**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Công ty.

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI  
& KHAI THÁC  
KHOÁNG SẢN  
DƯƠNG HIẾU  
THÁI NGUYÊN - T. THÂN HIẾU  
DUYNG HUU HIEU



Số: 06 / TTr- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị)*

*Kính thưa các quý vị cổ đông !*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu.

Theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2016 như sau:

**I. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, Ông Nguyễn Văn Ga có đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu vì lý do sức khỏe.

Để đảm bảo số lượng thành viên HĐQT hoạt động theo quy định. Ngày 29/12/2015 HĐQT đã họp miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Ga và bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua việc miễn nhiệm đối với ông Ga và thông qua việc bầu ông Văn Tiến Đức vào HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016.

**II. Trích ngang lý lịch ông Văn Tiến Đức**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Văn Tiến Đức	1961	SN 09, tổ 16, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên	Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp	Thành viên Hội đồng quản trị

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**DƯƠNG HỮU HIẾU**



Số: 07/ TTr-DHDCĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ*

*2012 - 2016)*

**Kính thưa quý cổ đông!**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát đã có sự thay đổi. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát và bầu thay thế 02 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2016 đảm bảo bảo đúng quy định hiện hành.

**I. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

- Ngày 31 tháng 03 năm 2016, Ông La Xuân Dương và Bà Tổng Thị Thu có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu vì lý do không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật .
- Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đúng quy định của pháp luật, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông La Xuân Dương và Bà Tổng Thị Thu.

**II. Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị xin đề cử 02 thành viên vào Ban kiểm soát như sau:

Lý lịch trích ngang 02 thành viên HĐQT đề cử.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Dương Trường Xuân	16/02/1973	Tích Lương, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	Hạch toán kế toán	





2	Trương Thị Tuyết	23/7/1986	Tổ 2, phường Tích Lương, TP Thái Nguyên	Cử nhân kế toán	
---	------------------	-----------	---	--------------------	--

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH**

**DƯƠNG HỮU HIẾU**



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI  
THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08. / TT- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ)*

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Căn cứ vào thông tư hướng dẫn số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012.
- Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần TM & KTKS Dương Hiếu;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp 2014, quy định của UBCKNN và phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty (*nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm*)

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH**

**DƯƠNG HỮU HIẾU**



**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Ghi chú:	Quy định hiện hành	Quy định đã sửa	Lý do sửa
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi</li> <li>- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân</li> <li>- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Nội dung đề nghị sửa đổi" là phân in nghiêng, bôi đậm.</li> </ul>	<p align="center"><b>Quy định hiện hành</b></p> <p align="center"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/04/2014, sửa đổi lần thứ 5 vào ngày 27/06/2013.</p>	<p align="center"><b>Quy định đã sửa</b></p> <p align="center"><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày ...../2016.</p>	Sửa để thống nhất với định nghĩa về vốn điều lệ của LDN 2014
<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>I. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;</u></p>	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>I. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là <b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại</b> và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</b></p>		Phù hợp về thời gian sửa đổi, điều lệ.
<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>4. <b>Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.</b> Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 13 LDN 2014
<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>Thêm mục:</p>	<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>Thêm mục:</p>		Theo quy định tại Điều 7 LDN 2014

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành nghề
1	Khai thác gỗ	0221
2	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
3	Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
4	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
5	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
9	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
10	Khai thác và thu gom than bùn	0892
11	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất phân bón vi sinh	3290
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải	3700
14	Thu gom rác thải không độc hại	3811



15	Thu gom rác thải độc hại	3812
16	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
17	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
18	Tái chế phế liệu	3830
19	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
20	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
21	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ Karaoke	9639
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23	Sửa chữa thiết bị điện	3314
24	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	4641
25	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví,	4649

	hàng da và giả da khác; Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (kết sắt, khay đựng thức ăn bằng inox, bàn inox, đồ dùng thực phẩm inox, các loại đồ bằng inox)	
27	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (máy lọc nước)	4659
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

*Các ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm*



<p><b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động kinh doanh</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động kinh doanh</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký <i>doanh nghiệp</i> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, tự do kinh doanh những ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán <i>theo phương thức đấu giá</i>.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Thông tư 121/2012 về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng</p>



## Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu và không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng

## Điều 6. Cổ phiếu

1. *Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:*

- a) *Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;*
- b) *Số lượng cổ phần và loại cổ phần;*
- c) *Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;*
- d) *Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;*
- đ) *Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;*
- e) *Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);*
- g) *Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;*
- h) *Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.*
2. *Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.*

Sửa theo quy  
định tại Điều  
120 LDN  
2014



<p>chi này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thi trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 111 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 111 LDN 2014</p>
<p><b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p><b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p>	<p><b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p><b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 114 LDN</p>



<p>a. <u>Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</u></p> <p>b. Nhận cổ tức</p> <p>e. <u>Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</u></p>	<p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền <b>hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</b></p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</b></p>	<p>2014</p>
<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. <i>Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</i></p>	<p>Theo Điều 115 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng</b></p>	<p>Theo khoản 2 Điều 136 LDN 2014</p>



<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phân bổ vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;</p>	<p><i>quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;</p>
	<p>Khoản 3, Điều 156 LDN 2014</p> <p>Điều 136 LDN 2014</p>



<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>1. <u>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:</p> <p>l. <b>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</b></p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 135 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin</p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>3. <b>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</b></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 137 LDN 2014 và để phù hợp với thực tiễn áp dụng. Theo quy định tại Điều 137 LDN 2014: “Danh sách này được lập không</p>



<p>điền từ (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHDCĐ”  Sửa theo quy định tại Điều 139 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp</p>	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) phần trăm tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 141 LDN 2014</p>



<p>vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>		<p>Thêm khoản 4 theo quy định tại Điều 140 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội</p>	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><b>Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng</p>		<p>Sửa lại toàn bộ khoản này theo quy định tại Điều 143 và Điều 144 LDN 2014</p>



đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phân và tổng số cổ phân của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

d) Tổ chức lại, giải thể công ty;

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có

số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp họp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.



<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</u></p>	<p><b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. <i>Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này,</i> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <i>nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo <i>nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;</i></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 145 LDN 2014</p>
<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ</p>	<p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ</p>	



<p>thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u></p> <p><u>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Gửi fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</u></p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p><i>chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</i></p> <p><i>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</i></p> <p><i>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i></p> <p><i>e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</i></p> <p><i>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</i></p> <p><b>4. <i>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</i></b></p> <p><i>a) <b>Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</b></i></p> <p><i>b) <b>Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</b></i></p> <p><i>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</i></p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>
--	--



<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</i></p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. <i>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 146 LDN 2014</p>
<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận</p> <p>9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>        Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc;  <i>Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 146 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>        Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>        Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc;  <i>Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 146 LDN 2014</p>



<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 24 Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 24 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 147 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p><b>Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Thêm khoản này quy định chi tiết về hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 148 LDN 2014</p>



<p><b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người và tối đa là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền biểu quyết để cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 150 LDN 2014</p>
<p><b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền biểu quyết để cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>8. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp công việc.</p>	<p>Gộp khoản 2 và 3 lại thành khoản 2</p> <p>Thêm khoản này theo quy định tại Điều 150 LDN 2014</p>



<p><b>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p><b>Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 152 LDN 2014.</p>
<p><b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do</p>	<p><b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối</p>	<p>Sửa theo quy định tại Điều 153 LDN 2014</p>



<p>chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</li> <li>Hai thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>Chủ tịch Hội đồng quản trị</li> <li>Đa số thành viên Ban kiểm soát.</li> </ol> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối họp có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực từ thời điểm có thể có hiệu lực hội tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu</p>	<p>tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</li> <li>Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;</li> <li>Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</li> <li>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</li> <li>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</li> <li>Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</li> <li>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hội tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</li> <li>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</li> <li>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được</li> </ol>
---	--



<p>bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <i>bảy (07)</i> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><b>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</b></p> <p><i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p> <p><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</i></p> <p><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện.</i></p>	<p>Thêm khoản 9 theo quy định tại Điều 153 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 31. Thư ký công ty</b></p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 32. Thư ký công ty</b></p> <p><i>Khi xét thấy cần thiết</i>, Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p><b>X. BAN KIỂM SOÁT</b></p> <p><b>Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Thành viên ban kiểm soát có thể</p>	<p><b>X. BAN KIỂM SOÁT</b></p> <p><b>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) thành viên. <i>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p><i>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ</i></p>	<p>Sửa và thêm khoản 2 theo quy định tại Điều 163 LDN 2014</p>



không phải là cổ đông của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Trưởng ban kiểm soát có quyền biểu quyết thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ

nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

2. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Trưởng ban kiểm soát có quyền biểu quyết thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.



<p>đồng bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của <i>thành viên</i> Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ kế toán không còn quy định về quỹ dự phòng tài chính. Cần cập nhật lại đề trích lập quỹ phù hợp với các quy định về kế toán.</p>
<p><b>Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b></p>	<p><b>Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</b> Bỏ quỹ dự phòng tài chính</p>	
<p><b>Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b> 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định tại <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p><b>Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b> 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 48 Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</b></p>	<p>Sửa để phù hợp với thực tiễn áp dụng</p>



<p><b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> <b>Điều 48. Con dấu</b></p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> <b>Điều 49. Con dấu</b></p> <p>1. <i>Hội đồng quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng kí kinh doanh và con dấu được khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 44 LDN 2014</p>
<p><b>Điều 55. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <u>52</u> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại &amp; Khai thác khoáng sản Dương Hiếu nhất tri thông qua ngày <u>26 tháng 4 năm 2014</u> tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>53</b> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại &amp; khai thác khoáng sản Dương Hiếu nhất tri thông qua <b>ngày ... tháng ... năm 2016</b> tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	
<p>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản.</p>		

Số: 09 / TTr- ĐHCĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

*(Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh)*

*Kính thưa Quý vị cổ đông!*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu;
- Căn cứ vào định hướng mở rộng phát triển kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc làm thủ tục đăng ký với Cơ quan đăng kí kinh doanh.

**DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG**

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành nghề
1	Khai thác gỗ	0221
2	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
3	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
4	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
5	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
9	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012





10	Khai thác và thu gom than bùn	0892
11	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phân bón vi sinh	3290
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải	3700
14	Thu gom rác thải không độc hại	3811
15	Thu gom rác thải độc hại	3812
16	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
17	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
18	Tái chế phế liệu	3830
19	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
20	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
21	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ Karaoke	9639
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
23	Sửa chữa thiết bị điện	3314
24	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	4641



25	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (kết sắt, khay đựng thức ăn bằng inox, bàn inox, đồ dùng thực phẩm inox, các loại đồ bằng inox)	4649
27	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (máy lọc nước)	4659
28	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
29	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
**CHỦ TỊCH**  
  
**DUƠNG HỮU HIẾU**





**Mẫu CBTT/SGDHCM - 06**

*Bản hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ - SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)*

**C.TY CP TM&KTKS DƯƠNG HIẾU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2016*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

*(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)*

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
  - Quý cổ đông

Công ty: Công ty CP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Mã chứng khoán: DHM

Địa chỉ trụ sở chính: 463/1 Đường CMT8, P.Hương Sơn, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 0280 3832 410

Fax: 0280 3835 942

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thị Hồng Hạnh

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  Bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 08/4/2016 tại đường dẫn [www. duonghieus.com.vn](http://www.duonghieus.com.vn) của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

**HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH**